

THÔNG TƯ**Hướng dẫn thực hiện công tác điều ước quốc tế
thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Điều ước quốc tế số 108/2016/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 137/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 65/2021/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 177/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 03/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Pháp chế Bộ Quốc phòng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện công tác điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này hướng dẫn thực hiện công tác điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan; quản lý, sử dụng kinh phí trong công tác điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

2. Thông tư này không điều chỉnh việc đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng thương mại quân sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan đến công tác điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng* là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với bên ký kết nước ngoài, làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo pháp luật quốc tế, không phụ thuộc vào tên gọi là hiệp ước, công ước, hiệp định, định ước, thỏa thuận, nghị định thư, bản ghi nhớ, công hàm trao đổi hoặc văn kiện có tên gọi khác, do Bộ Quốc phòng chủ trì đề xuất ký kết, gia nhập hoặc thực hiện.

2. *Công tác điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng* là tổng hợp những nội dung có liên quan đến việc đề xuất soạn thảo, ký kết, gia nhập và thực hiện; sửa đổi, bổ sung, gia hạn, bảo lưu, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện; thực hiện thủ tục nội bộ; quản lý, sử dụng kinh phí, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

3. *Cơ quan chủ trì soạn thảo* là cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng được giao chủ trì soạn thảo điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện công tác điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng

Việc thực hiện công tác điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng tuân thủ theo quy định tại Điều 3 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 5. Ngôn ngữ, hình thức của điều ước quốc tế

Ngôn ngữ, hình thức của điều ước quốc tế thực hiện theo quy định tại Điều 5 Luật Điều ước quốc tế.

Chương II

SOẠN THẢO, ĐỀ XUẤT KÝ KẾT, GIA NHẬP ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG

Mục 1

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO, ĐỀ XUẤT KÝ KẾT, GIA NHẬP ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Điều 6. Cơ sở soạn thảo, đề xuất ký kết, gia nhập điều ước quốc tế

1. Đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
2. Yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng.
3. Yêu cầu hợp tác quốc tế của các cơ quan, đơn vị.
4. Nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao.

Điều 7. Trình tự, thủ tục soạn thảo, đề xuất ký kết, gia nhập điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng

1. Trình tự, thủ tục soạn thảo, đề xuất ký kết
 - a) Xây dựng Kế hoạch;
 - b) Xây dựng hồ sơ dự thảo điều ước quốc tế;
 - c) Lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong Bộ Quốc phòng;
 - d) Lấy ý kiến tham gia của các ban, bộ, ngành, cá nhân có liên quan;
 - đ) Hoàn chỉnh hồ sơ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đề xuất đàm phán, ký kết;
 - e) Tổ chức đàm phán;
 - g) Lấy ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;
 - h) Đề xuất ký điều ước quốc tế;
 - i) Hoàn chỉnh các thủ tục nội bộ;
 - k) Hoàn chỉnh các thủ tục đối ngoại.
2. Trình tự, thủ tục đề xuất gia nhập
 - a) Nghiên cứu, đề xuất gia nhập điều ước quốc tế;
 - b) Lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong Bộ Quốc phòng;
 - c) Lấy ý kiến tham gia của các ban, bộ, ngành, cá nhân có liên quan;
 - d) Lấy ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;
 - đ) Hoàn chỉnh hồ sơ trình Chính phủ đề xuất gia nhập;
 - e) Hoàn chỉnh thủ tục nội bộ;
 - g) Thông báo đối ngoại;
 - h) Thông báo về ngày hiệu lực của điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập.

Điều 8. Xây dựng kế hoạch soạn thảo

1. Cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng căn cứ nhu cầu đề xuất ký kết hoặc được giao chủ trì soạn thảo điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng xây dựng kế hoạch soạn thảo, đề xuất ký kết, gia nhập điều ước quốc tế, báo cáo Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt.

2. Việc soạn thảo, đề xuất ký kết, gia nhập điều ước quốc tế tiến hành kể từ ngày kế hoạch được phê duyệt đến khi điều ước quốc tế có hiệu lực thi hành tại Việt Nam.

Điều 9. Điều chỉnh kế hoạch

1. Cơ quan, đơn vị đề nghị điều chỉnh kế hoạch soạn thảo, ký kết, gia nhập điều ước quốc tế:

a) Đưa ra khỏi chương trình những điều ước quốc tế chưa cần thiết ký kết do có thay đổi về điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh hoặc đối ngoại;

b) Bổ sung vào chương trình những điều ước quốc tế do yêu cầu cấp thiết của việc quản lý nhà nước và công tác đối ngoại trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng thuộc phạm vi cơ quan, đơn vị được giao giúp Bộ Quốc phòng quản lý;

c) Điều chỉnh thời điểm trình do chậm tiến độ soạn thảo, ký kết hoặc do chưa thống nhất được với bên ký kết nước ngoài trong quá trình đàm phán.

2. Việc đề nghị điều chỉnh kế hoạch soạn thảo, ký kết, gia nhập điều ước quốc tế được thực hiện như sau:

a) Trường hợp đề nghị đưa ra khỏi kế hoạch hoặc điều chỉnh thời điểm trình thì cơ quan, đơn vị đề nghị phải nêu rõ lý do, phương hướng, giải pháp và thời gian thực hiện;

b) Trường hợp cơ quan, đơn vị đề nghị bổ sung vào kế hoạch, phải gửi hồ sơ báo cáo Bộ Quốc phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này.

3. Cục Đối ngoại chịu trách nhiệm tổng hợp đề nghị điều chỉnh kế hoạch soạn thảo, ký kết, gia nhập điều ước quốc tế báo cáo Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định.

Điều 10. Thực hiện kế hoạch

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan soạn thảo điều ước theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt.

2. Cục Đối ngoại hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra cơ quan chủ trì soạn thảo điều ước quốc tế để bảo đảm tuân thủ trình tự, thủ tục, tiến độ, chất lượng và thời hạn trình.

Điều 11. Báo cáo năm

1. Trước ngày 01 tháng 10 hằng năm, cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm báo cáo Bộ Quốc phòng (qua Cục Đối ngoại) dự kiến kế hoạch soạn thảo, ký kết, gia nhập điều ước quốc tế của năm sau. Hồ sơ báo cáo gồm:

a) Văn bản báo cáo nêu sự cần thiết, mục đích xây dựng, ký kết, gia nhập điều ước quốc tế của cơ quan, đơn vị trên cơ sở đánh giá quan hệ giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bên ký kết nước ngoài; sự phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế, lợi ích quốc gia, đường lối đối ngoại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và đối ngoại quốc phòng của Bộ Quốc phòng; đánh giá sơ bộ về mặt chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và các tác động khác;

b) Danh mục điều ước quốc tế đề nghị đưa vào kế hoạch, trong đó nêu rõ dự kiến tên văn bản, cơ quan chủ trì soạn thảo, thời gian dự kiến trình;

c) Nội dung chính của điều ước quốc tế.

2. Trước ngày 01 tháng 10 hằng năm, cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì soạn thảo điều ước quốc tế có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về tiến độ soạn thảo, thực hiện điều ước quốc tế về Bộ Quốc phòng (qua Cục Đối ngoại) để tổng hợp, báo cáo Bộ Quốc phòng.

3. Trước ngày 15 tháng 10 hằng năm, Cục Đối ngoại tổng hợp đề nghị của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng; thống nhất với cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần); báo cáo Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định việc soạn thảo, đề xuất ký kết, gia nhập điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Mục 2

ĐỀ XUẤT ĐÀM PHÁN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG

Điều 12. Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị trong Bộ Quốc phòng

1. Hồ sơ dự thảo điều ước quốc tế phải được lấy ý kiến của Cục Đối ngoại, Cục Pháp chế và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong Bộ Quốc phòng.

2. Hồ sơ lấy ý kiến gồm:

- a) Công văn đề nghị tham gia ý kiến;
- b) Dự thảo điều ước quốc tế bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài (nếu có); trường hợp chỉ có dự thảo điều ước quốc tế bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch bằng tiếng Việt kèm theo;
- c) Dự thảo báo cáo đánh giá sơ bộ tác động chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và các tác động khác của điều ước quốc tế;
- d) Dự thảo báo cáo rà soát sơ bộ quy định của pháp luật hiện hành và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên trong cùng lĩnh vực, so sánh với nội dung chính của điều ước quốc tế dự kiến đàm phán;
- đ) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

3. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan để hoàn chỉnh hồ sơ; trường hợp không tiếp thu thì phải giải trình, nêu rõ lý do.

Điều 13. Lấy ý kiến các ban, bộ, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan về hồ sơ đàm phán điều ước quốc tế

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Bộ Quốc phòng lấy ý kiến ban, bộ, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Luật Điều ước quốc tế.

2. Hồ sơ lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

3. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của các ban, bộ, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan để hoàn chỉnh dự thảo văn bản; trường hợp không tiếp thu thì phải giải trình, nêu rõ lý do.

Điều 14. Đề xuất đàm phán điều ước quốc tế

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo chuẩn bị hồ sơ, đề xuất Bộ Quốc phòng báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định đàm phán, ủy quyền đàm phán, chủ trương đàm phán và kết thúc đàm phán điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ hoặc báo cáo Chủ tịch nước quyết định đàm phán, ủy quyền đàm phán, chủ trương đàm phán và kết thúc đàm phán điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước theo quy định tại Điều 10 Luật Điều ước quốc tế.

2. Hồ sơ trình đàm phán điều ước quốc tế thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 15. Tổ chức đàm phán điều ước quốc tế

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo chủ trì đề xuất Bộ Quốc phòng báo cáo cấp có thẩm quyền để triển khai tổ chức đàm phán điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 12 Luật Điều ước quốc tế.

2. Trường hợp Bộ Quốc phòng được cấp có thẩm quyền ủy quyền đàm phán, cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Đoàn đàm phán. Cụ thể như sau:

a) Thành phần Đoàn đàm phán gồm: Trưởng đoàn do cấp có thẩm quyền quyết định trên cơ sở nguyên tắc đối đẳng trong quan hệ quốc tế; các thành viên là đại diện cơ quan chủ trì soạn thảo điều ước quốc tế, Cục Đối ngoại, Cục Pháp chế và cơ quan, đơn vị có liên quan;

b) Trách nhiệm của Đoàn đàm phán: Là đầu mối tổng hợp và soạn thảo phương án đàm phán, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi đàm phán chính thức; tổ chức đàm phán ở các cấp độ, phạm vi khác nhau trên cơ sở phương án đàm phán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; điều phối các hoạt động liên quan đến quá trình đàm phán nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác đàm phán; chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai kết quả đàm phán theo thẩm quyền; báo cáo kịp thời những vấn đề vượt quá thẩm quyền; thực hiện các nhiệm vụ khác khi được cấp có thẩm quyền giao.

Mục 3

ĐỀ XUẤT KÝ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG

Điều 16. Lấy ý kiến ban, bộ, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan ngoài Bộ Quốc phòng

1. Việc lấy ý kiến ban, bộ, ngành, tổ chức và cá nhân ngoài Bộ Quốc phòng thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 13 Luật Điều ước quốc tế.

2. Hồ sơ lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5 và khoản 6 Điều 17 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 17. Gửi hồ sơ dự thảo điều ước quốc tế đề nghị Bộ Ngoại giao kiểm tra, Bộ Tư pháp thẩm định

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ dự thảo điều ước quốc tế báo cáo Bộ Quốc phòng đề nghị Bộ Ngoại giao kiểm tra, Bộ Tư pháp thẩm định.

2. Hồ sơ đề nghị Bộ Ngoại giao kiểm tra, Bộ Tư pháp thẩm định điều ước quốc tế thực hiện theo quy định tại Điều 21 Luật Điều ước quốc tế.

3. Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo điều ước quốc tế.

Điều 18. Đề xuất ký điều ước quốc tế

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo chuẩn bị hồ sơ dự thảo điều ước quốc tế, báo cáo Bộ Quốc phòng đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định phù hợp với thẩm quyền quyết định ký điều ước quốc tế quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Điều ước quốc tế.

2. Hồ sơ đề xuất ký điều ước quốc tế thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật Điều ước quốc tế.

3. Trường hợp đề xuất ký điều ước quốc tế có quy định khác hoặc chưa được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội, quy định trái pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc điều ước quốc tế mà việc thực hiện cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cơ quan chủ trì soạn thảo chuẩn bị hồ sơ, báo cáo Bộ Quốc phòng thực hiện theo quy định tại Điều 14 Luật Điều ước quốc tế.

Mục 4

TỔ CHỨC KÝ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Điều 19. Thực hiện ủy quyền ký điều ước quốc tế, ủy nhiệm tham dự hội nghị quốc tế

1. Trường hợp Bộ Quốc phòng được ủy quyền ký điều ước quốc tế, ủy nhiệm tham dự hội nghị quốc tế theo quy định của Điều 22 Luật Điều ước quốc tế, cơ quan chủ trì soạn thảo chuẩn bị hồ sơ để phục vụ Trưởng đoàn đàm phán.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng đề xuất người được ủy quyền ký điều ước quốc tế hoặc ủy nhiệm tham dự hội nghị quốc tế đối với các điều ước quốc tế do Bộ Quốc phòng chủ trì soạn thảo, ký kết.

3. Trường hợp Bộ Quốc phòng không cử trưởng đoàn ký điều ước quốc tế hoặc trưởng đoàn tham dự hội nghị quốc tế ở nước ngoài thì cơ quan chủ trì

soạn thảo điều ước quốc tế báo cáo Bộ Quốc phòng theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 20. Rà soát, đối chiếu văn bản điều ước quốc tế

Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất Bộ Quốc phòng việc rà soát, đối chiếu văn bản điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 23 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 21. Ký điều ước quốc tế

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng đề phối hợp với Bộ Ngoại giao hoàn thành thủ tục ký điều ước quốc tế theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Điều ước quốc tế.

2. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã quyết định cho ký điều ước quốc tế nhưng chưa thể tổ chức ký, cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Điều ước quốc tế.

3. Trường hợp có những thay đổi liên quan đến danh nghĩa ký, quyền, nghĩa vụ của bên Việt Nam, quy định trái hoặc chưa được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội, quy định trái pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc có những thay đổi cơ bản so với nội dung văn bản điều ước quốc tế đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định cho ký thì cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 22. Ký điều ước quốc tế trong chuyến thăm của đoàn cấp cao

Trường hợp ký điều ước quốc tế trong chuyến thăm của đoàn cấp cao Việt Nam tại nước ngoài hoặc của đoàn cấp cao nước ngoài tại Việt Nam, cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 23. Gửi văn bản điều ước quốc tế sau khi ký

Sau khi điều ước quốc tế được ký, cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng gửi Bộ Ngoại giao văn bản theo quy định tại Điều 26 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 24. Trao đổi văn kiện tạo thành điều ước quốc tế

Việc trao đổi văn kiện tạo thành điều ước quốc tế được thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Luật Điều ước quốc tế.

Mục 5

BÁO CÁO PHÊ CHUẨN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Điều 25. Các loại điều ước quốc tế phải được phê chuẩn

Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất Bộ Quốc phòng báo cáo cấp có thẩm quyền đối với các loại điều ước quốc tế phải được phê chuẩn thực hiện theo quy định tại Điều 28 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 26. Đề xuất phê chuẩn điều ước quốc tế

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và ban, bộ, ngành, tổ chức có liên quan.
2. Trường hợp điều ước quốc tế phải báo cáo Quốc hội phê chuẩn, cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng đề xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Luật Điều ước quốc tế.
3. Hồ sơ trình phê chuẩn điều ước quốc tế thực hiện theo quy định tại Điều 31 Luật Điều ước quốc tế.
4. Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng phối hợp với Văn phòng Chủ tịch nước gửi hồ sơ đề nghị thẩm tra điều ước quốc tế để thẩm tra theo quy định tại Điều 35 Luật Điều ước quốc tế.

Mục 6

BÁO CÁO PHÊ DUYỆT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Điều 27. Các loại điều ước quốc tế phải được phê duyệt

Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng thủ tục đề nghị phê duyệt đối với các điều ước quốc tế phải được phê duyệt theo quy định tại Điều 37 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 28. Thủ tục đề xuất phê duyệt điều ước quốc tế

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và ban, bộ, ngành, tổ chức có liên quan.
2. Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng trình Chính phủ phê duyệt điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 39 Luật Điều ước quốc tế.
3. Hồ sơ trình phê duyệt điều ước quốc tế thực hiện theo quy định tại Điều 40 Luật Điều ước quốc tế.

Mục 7

ĐỀ XUẤT GIA NHẬP ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Điều 29. Đề xuất gia nhập điều ước quốc tế

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm lấy ý kiến Cục Đối ngoại, Cục Pháp chế và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong Bộ Quốc phòng đề xuất gia nhập điều ước quốc tế.
2. Trước khi đề xuất gia nhập điều ước quốc tế, cơ quan chủ trì soạn thảo chuẩn bị hồ sơ, đề xuất Bộ Quốc phòng lấy ý kiến bằng văn bản của ban, bộ, ngành, tổ chức có liên quan, ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.
3. Cơ quan chủ trì soạn thảo chuẩn bị hồ sơ đề xuất Bộ Quốc phòng báo cáo đề xuất gia nhập điều ước quốc tế theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Luật Điều ước quốc tế.

4. Việc đề xuất đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt điều ước quốc tế mới để gia nhập điều ước quốc tế được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Điều ước quốc tế.

5. Hồ sơ trình đề xuất gia nhập điều ước quốc tế thực hiện theo quy định tại Điều 45 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 30. Gửi văn bản điều ước quốc tế sau khi nhận được quyết định gia nhập

Sau khi nhận được quyết định gia nhập điều ước quốc tế, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm báo cáo Bộ Quốc phòng gửi Bộ Ngoại giao văn bản điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 46 Luật Điều ước quốc tế.

Chương III

ĐỀ XUẤT BẢO LƯU ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Điều 31. Đề xuất bảo lưu của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng đề xuất cấp có thẩm quyền việc bảo lưu, chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu theo quy định tại Điều 47, Điều 48 Luật Điều ước quốc tế. Việc đề xuất bảo lưu, chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu phải được báo cáo cùng với việc trình ký hoặc trình phê chuẩn điều ước quốc tế.

2. Trường hợp Bộ Quốc phòng đã trình cơ quan có thẩm quyền ký, phê chuẩn, phê duyệt hoặc gia nhập điều ước quốc tế mà bên ký kết nước ngoài đưa ra bảo lưu đối với điều ước quốc tế, cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng thực hiện trình tự, thủ tục trình bổ sung về việc chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật Điều ước quốc tế.

3. Hồ sơ trình bổ sung về việc chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 32. Rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng đề xuất việc rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu theo quy định tại Điều 51 Luật Điều ước quốc tế.

2. Hồ sơ trình việc rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 51 Luật Điều ước quốc tế.

Chương IV

ĐỀ XUẤT HIỆU LỰC, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG

Điều 33. Đề xuất hiệu lực và áp dụng tạm thời điều ước quốc tế

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm báo cáo Bộ Quốc phòng đề xuất cấp có thẩm quyền về hiệu lực của điều ước quốc tế.

2. Trường hợp cần thiết áp dụng hoặc chấm dứt áp dụng một phần của điều ước quốc tế trong thời gian hoàn thành thủ tục, cơ quan được giao chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng đề xuất cấp có thẩm quyền việc áp dụng một phần theo quy định của điều ước quốc tế đó hoặc thỏa thuận giữa bên Việt Nam và bên ký kết nước ngoài theo quy định tại Điều 53 Luật Điều ước quốc tế.

3. Hồ sơ trình việc chấm dứt áp dụng tạm thời điều ước quốc tế thực hiện theo quy định tại Điều 53 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 34. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Điều ước quốc tế.

2. Trình tự, thủ tục đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 54 Luật Điều ước quốc tế.

3. Hồ sơ trình về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 54 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 35. Chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 55 Luật Điều ước quốc tế.

2. Hồ sơ trình, trình tự, thủ tục quyết định chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 55 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 36. Báo cáo và thông báo liên quan đến hiệu lực của điều ước quốc tế

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Ngoại giao về hiệu lực của điều ước quốc tế, Văn phòng Bộ Quốc phòng báo cáo Bộ Quốc phòng và thông báo đến cơ quan chủ trì soạn thảo, Cục Đối ngoại, Cục Pháp chế và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Chương V

ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN THỦ TỤC GỬI LƯU CHIẾU, LƯU TRỮ, SAO LỤC, ĐĂNG TẢI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Điều 37. Gửi lưu trữ điều ước quốc tế, cấp bản sao điều ước quốc tế

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng gửi Bộ Ngoại giao lưu trữ điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 58 Luật Điều ước quốc tế.

2. Sau khi nhận được sao lục điều ước quốc tế từ Bộ Ngoại giao, Văn phòng Bộ Quốc phòng lưu trữ và gửi bản sao lục điều ước quốc tế đến cơ quan

chủ trì soạn thảo, Cục Đối ngoại, Cục Pháp chế và cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện.

3. Văn phòng Bộ Quốc phòng cấp bản sao điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cho cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định của pháp luật.

4. Hồ sơ đề xuất ký kết điều ước quốc tế, văn bản điều ước quốc tế được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 38. Đăng tải điều ước quốc tế, xây dựng cơ sở dữ liệu về điều ước quốc tế

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo có văn bản gửi Cổng Thông tin điện tử Bộ Quốc phòng đề nghị đăng tải điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 60 Luật Điều ước quốc tế.

2. Trường hợp có yêu cầu không đăng tải điều ước quốc tế, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất Bộ Quốc phòng thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 1 Điều 60 Luật Điều ước quốc tế.

Chương VI

ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN THỦ TỤC ĐỐI NGOẠI

Điều 39. Đề xuất cấp giấy ủy quyền, giấy ủy nhiệm

1. Việc đề nghị cấp giấy ủy quyền, giấy ủy nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 63 Luật Điều ước quốc tế.

2. Trường hợp có sự thay đổi người được ủy quyền hoặc ủy nhiệm ký điều ước quốc tế, cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 63 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 40. Giải quyết thủ tục đối ngoại về phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập điều ước quốc tế

Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Ngoại giao giải quyết các thủ tục đối ngoại về phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 64 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 41. Giải quyết thủ tục đối ngoại về bảo lưu

Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao giải quyết thủ tục đối ngoại về bảo lưu theo quy định tại Điều 65 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 42. Giải quyết thủ tục đối ngoại về chấm dứt áp dụng tạm thời điều ước quốc tế

Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Ngoại giao giải quyết thủ tục đối ngoại về chấm dứt áp dụng tạm thời điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 66 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 43. Giải quyết thủ tục đối ngoại về sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Ngoại giao giải quyết thủ tục đối ngoại về sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Luật Điều ước quốc tế.

2. Trường hợp Bộ Quốc phòng thông báo trực tiếp cho bên ký kết nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 67 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 44. Giải quyết thủ tục đối ngoại về chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế

Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Ngoại giao giải quyết thủ tục đối ngoại về chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 68 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 45. Đăng ký điều ước quốc tế

Trường hợp phải đăng ký điều ước quốc tế, cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Ngoại giao đăng ký theo quy định tại Điều 69 Luật Điều ước quốc tế.

Chương VII

ĐỀ XUẤT VÀ THỰC HIỆN TRÌNH TỰ, THỦ TỤC RÚT GỌN

Điều 46. Đề xuất áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn

Trường hợp cần thiết áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn, cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện như sau:

1. Lấy ý kiến Cục Đối ngoại, Cục Pháp chế và cơ quan, đơn vị về áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn và nội dung hồ sơ điều ước quốc tế;

2. Đề xuất Bộ Quốc phòng trình tự, thủ tục rút gọn đối với đàm phán, ký, sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế theo quy định tại Chương VII Luật Điều ước quốc tế, trừ các trường hợp không đề xuất áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với việc đàm phán, ký, sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 47. Đồng thời đề xuất đàm phán và ký điều ước quốc tế

Trường hợp đã xác định nội dung và tập hợp đầy đủ tài liệu cần thiết trong hồ sơ đề xuất ký điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 13 của Luật Điều ước quốc tế thì cơ quan chủ trì soạn thảo chuẩn bị hồ sơ và đề xuất Bộ Quốc phòng thực hiện thủ tục đồng thời đề xuất đàm phán và ký điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 71 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 48. Đồng thời đề xuất ký và phê duyệt hoặc phê chuẩn điều ước quốc tế

1. Trường hợp xác định điều ước quốc tế có thể được phê chuẩn, phê duyệt ngay sau khi ký, đã đủ rõ, đủ chi tiết để thực hiện và tập hợp đầy đủ tài liệu cần thiết trong hồ sơ đề xuất phê chuẩn điều ước quốc tế, cơ quan chủ trì soạn thảo chuẩn bị hồ sơ báo cáo Bộ Quốc phòng thực hiện thủ tục đồng thời đề xuất ký và phê duyệt hoặc phê chuẩn điều ước quốc tế theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 71a Luật Điều ước quốc tế.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Ngoại giao tiến hành thủ tục thông báo đối ngoại về phê duyệt hoặc phê chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 71a Luật Điều ước quốc tế.

3. Trường hợp có những thay đổi dẫn đến việc đồng thời ký và phê duyệt hoặc phê chuẩn không còn phù hợp, cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Ngoại giao thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 71a Luật Điều ước quốc tế.

Điều 49. Đàm phán, ký điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng đề xuất trình tự, thủ tục rút gọn được áp dụng đối với việc đàm phán, ký điều ước quốc tế trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 72 Luật Điều ước quốc tế.

2. Trình tự, thủ tục và hồ sơ đề xuất đàm phán, ký điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 50. Đề xuất ủy quyền trong trường hợp đặc biệt

Trường hợp cần thiết để xử lý các yêu cầu thực tế hoặc có yêu cầu cấp bách về đối ngoại, cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ Quốc phòng đề xuất cấp có thẩm quyền ủy quyền trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 72a Luật Điều ước quốc tế.

Điều 51. Đề xuất và thực hiện sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn

1. Trường hợp cần sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất Bộ Quốc phòng báo cáo việc thực hiện theo quy định tại Điều 73 Luật Điều ước quốc tế.

2. Hồ sơ trình sửa đổi, bổ sung điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 73 Luật Điều ước quốc tế.

3. Trường hợp bị cơ quan có thẩm quyền từ chối áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn, cơ quan chủ trì soạn thảo chuẩn bị hồ sơ, báo cáo Bộ Quốc phòng để thực hiện quy trình, thủ tục thông thường hoặc bổ sung hồ sơ theo quy định tại Điều 75 Luật Điều ước quốc tế.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG

Điều 52. Xây dựng kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất Bộ Quốc phòng xây dựng kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 76 Luật Điều ước quốc tế trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Nội dung kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 76 Luật Điều ước quốc tế.

Điều 53. Triển khai kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế

Sau khi kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế được phê duyệt, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất Bộ Quốc phòng chỉ đạo cơ quan chủ trì soạn thảo và cơ quan, đơn vị có liên quan trong Bộ Quốc phòng tổ chức triển khai thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 76 Luật Điều ước quốc tế.

Chương IX

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ KINH PHÍ ĐẢM BẢO TRONG CÔNG TÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Điều 54. Trách nhiệm của Cục Đối ngoại

1. Chủ trì, phối hợp soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật về ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng khi được cấp có thẩm quyền giao.

2. Phối hợp tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến điều ước quốc tế.

3. Tổng hợp, trình Bộ Quốc phòng kế hoạch soạn thảo, đề xuất ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế.

4. Xây dựng báo cáo về hoạt động ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế trình Bộ Quốc phòng xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thống kê, rà soát điều ước quốc tế liên quan đến quân sự, quốc phòng mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập; báo cáo Bộ Quốc phòng về xử lý đối với những vi phạm trong công tác điều ước quốc tế của Bộ Quốc phòng.

6. Báo cáo Bộ Quốc phòng đề xuất cấp có thẩm quyền chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế.

7. Thông báo cho đối tác việc phía Việt Nam hoàn thành các thủ tục đối ngoại liên quan đến ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế.

8. Phối hợp, đôn đốc cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện công tác điều ước quốc tế.

9. Tham gia phục vụ, lễ tân hoạt động ký kết điều ước quốc tế.

10. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, đối chiếu văn bản tiếng Việt của điều ước quốc tế khác với văn bản tiếng nước ngoài để bảo đảm chính xác về nội dung và thống nhất về hình thức.

11. Phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo để đảm bảo phiên dịch trong quá trình đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cấp có thẩm quyền giao.

Điều 55. Trách nhiệm của Cục Pháp chế

1. Chủ trì xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện công tác điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để xây dựng văn bản quy phạm pháp luật khác khi được cấp có thẩm quyền giao.

2. Phối hợp với Cục Đối ngoại và các cơ quan chức năng liên quan thực hiện kiểm tra, hướng dẫn, rà soát việc đề xuất ký kết, triển khai thực hiện điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng tại cơ quan, đơn vị trong toàn quân; báo cáo Bộ Quốc phòng về xử lý đối với những vi phạm trong công tác điều ước quốc tế của Bộ Quốc phòng.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất kế hoạch triển khai thực hiện điều ước quốc tế báo cáo Bộ Quốc phòng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện điều ước quốc tế trong toàn quân.

4. Cử cán bộ tham gia đoàn đàm phán điều ước quốc tế khi được cấp có thẩm quyền giao.

5. Tham gia ý kiến hồ sơ điều ước quốc tế khi có yêu cầu.

6. Hướng dẫn thi hành pháp luật về ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế.

7. Lập kế hoạch rà soát, hướng dẫn nghiệp vụ rà soát, kiểm tra đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong công tác rà soát điều ước quốc tế theo quy định pháp luật.

8. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan báo cáo Bộ Quốc phòng xem xét, xử lý đối với những vi phạm trong công tác điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

9. Chủ trì xây dựng, quản lý dữ liệu về điều ước quốc tế, cụ thể:

a) Chủ trì tham mưu cho Bộ Quốc phòng xây dựng, khai thác và quản lý hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý, chỉ huy của Bộ Quốc phòng, chỉ huy các cơ quan, đơn vị bảo đảm cho hoạt động công tác điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

b) Chủ trì, phối hợp với Cục Đối ngoại và cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát theo quy định của pháp luật, của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cấp có thẩm quyền giao.

Điều 56. Trách nhiệm của Cục Bảo vệ an ninh Quân đội

Theo chức năng, nhiệm vụ, giúp Bộ Quốc phòng triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và bảo vệ bí mật nhà nước trong công tác điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 57. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong Bộ Quốc phòng

1. Đối với các cơ quan, đơn vị trong toàn quân

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về điều ước quốc tế và hướng dẫn tại Thông tư này;

b) Tuân thủ điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

c) Thường xuyên rà soát, hệ thống hóa điều ước quốc tế thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực giúp Bộ quản lý nhà nước; tổng hợp kết quả thuộc ngành, lĩnh vực mình phụ trách gửi về Cục Đối ngoại và Cục Pháp chế trước ngày 01 tháng 10 hằng năm;

d) Chủ trì, phối hợp tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến điều ước quốc tế theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

đ) Tổ chức lưu trữ điều ước quốc tế; tài liệu có liên quan đến quá trình xây dựng, ký kết và thực hiện điều ước quốc tế theo quy định của pháp luật;

e) Sơ kết, tổng kết việc thực hiện điều ước quốc tế theo kế hoạch.

2. Đối với các cơ quan chủ trì soạn thảo điều ước quốc tế

a) Chủ trì xây dựng và thực hiện kế hoạch soạn thảo, kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại Thông tư này;

b) Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình soạn thảo, ký kết và thực hiện điều ước quốc tế;

c) Kịp thời báo cáo, xin chỉ đạo của Bộ Quốc phòng hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền chỉ đạo đối với các nội dung vượt thẩm quyền.

Điều 58. Kinh phí đảm bảo

Việc quản lý và sử dụng kinh phí đảm bảo cho việc đàm phán, thẩm định, ký kết, gia nhập; quản lý, rà soát, hệ thống hóa; tổ chức thực hiện điều ước quốc tế thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật và Nghị định số 65/2021/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 59. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **15** tháng **9** năm 2026.
2. Thông tư số 95/2015/TT-BQP ngày 25/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, ký kết, gia nhập, thực hiện điều ước quốc tế; xây dựng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế trong Quân đội hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định của văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tương ứng.
4. Các điều ước quốc tế đang được soạn thảo tiếp tục thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Điều ước quốc tế và Thông tư này.

Điều 60. Trách nhiệm thi hành

Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Chỉ huy các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Thủ trưởng Bộ Quốc phòng;
- BTM, TCCT;
- Bộ Tư pháp;
- Các đầu mối trực thuộc BQP;
- Công báo; Cổng TTĐT Bộ Quốc phòng;
- Lưu: VT, NCTH, CPC. NTTg80.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Nguyễn Trường Thắng